

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 94/GP-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 02/01/2026 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 94/GP-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 134/TTr-SNNMT ngày 25/01/2026 (kèm theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 10/12/2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 94/GP-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH.

- Địa chỉ: Số 11/156 Đình Hương, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa.

- Mã số thuế: 2801001457.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình trạm bơm khai thác nước mặt tại xã Đông Thành, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền: Cấp nước sạch cho các hộ dân trên địa bàn các xã: Hậu Lộc, Đông Thành, Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền:

a) Đối với mục đích cấp nước cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

$$W_1 = 166 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 5.475 \text{ ngày} \times 365/365 = 908.850 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 20/3/2018 đến hết ngày 19/3/2033 (theo hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 94/GP-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh) là: 5.475 ngày; chế độ khai thác trong năm: 365/365.

b) Đối với mục đích cấp nước cho sinh hoạt:

$$W_2 = 4.834 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 2.817 \text{ ngày} \times 365/365 = 13.617.378 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 19/3/2033 (ngày hết hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 94/GP-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh) là 2.817 ngày; chế độ khai thác trong năm: 365/365.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

a) Đối với mục đích cấp nước cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

$G_1 = 2.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước mặt dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch).

b) Đối với mục đích cấp nước cho sinh hoạt:

$G_2 = 6.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước mặt dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch).

5. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$.

6. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $M_1 = 2\%$ (đối với khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ).

- $M_2 = 0,1\%$ (đối với khai thác nước dùng cho sinh hoạt).

7. Số tiền phải nộp 01 ngày:

a) Từ ngày 20/3/2018 đến hết ngày 30/6/2025:

$$T_{01 \text{ ngày}} = W_{01 \text{ ngày}} \times G \times K \times M = 166 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 2\% = 10.624 \text{ đồng/ngày}.$$

b) Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 19/3/2033:

$$T_{01 \text{ ngày}} = W_{01 \text{ ngày}} \times G \times K \times M = (166 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 2\%) + (4.834 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 0,1\%) = 57.030 \text{ đồng/ngày}.$$

8. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: 5.475 ngày (tính từ ngày 20/3/2018 đến hết ngày 19/3/2033; chế độ khai thác trong năm: 365/365).

9. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$T = (W_1 \times G_1 \times K \times M_1) + (W_2 \times G_2 \times K \times M_2) = (908.850 \text{ m}^3 \times 2.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 2\%) + (13.617.378 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 0,1\%) = 188.893.229 \text{ đồng}$ (Một trăm tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng).

Trong đó, phân chia số tiền phải nộp hằng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2019 (năm 2018 + năm 2019): 7.106.000 đồng;
- Số tiền phải nộp các năm tiếp theo (2020 - 2024): 3.876.000 đồng/năm;
- Số tiền phải nộp năm 2025: 12.247.229 đồng;
- Số tiền phải nộp các năm tiếp theo (2026 - 2032): 20.816.000 đồng/năm;
- Số tiền phải nộp năm 2033 (từ ngày 01/01/2033 đến hết ngày 19/3/2033): 4.448.000 đồng.

10. Phương án nộp tiền: Nộp 01 lần/năm.

11. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Thuế tỉnh Thanh Hóa.

12. Trường hợp có vướng mắc, Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH liên hệ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) đối với Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH.

2. Thuế tỉnh Thanh Hóa:

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Thuế tỉnh Thanh Hóa; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Thuế tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước theo đúng nội dung được cấp phép; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh việc tăng, giảm số lần nộp, số tiền phải nộp cho mỗi lần nộp thì phải có văn bản gửi Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

4. UBND xã Đông Thành thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3543/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND xã Đông Thành; Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại số 7 TH; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTCT_{VN9126}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng